

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
i

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 10 - 10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Phàn Chấn Bính

Bà: Mừng Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Anh Thị Thanh Tâm - Thẩm tra viên Toà án nhân dân Huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 13/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 26/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/11/1991, tại: Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn L, xã P, Thành Phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Q, Sinh năm 1963 và bà Mai Thị L, Sinh năm 1966; Vợ Hoàng Thị S, Sinh năm 1989, con: 01 con Sinh năm 2015; anh, chị, em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị tạm giữ từ ngày 06/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn L, xã P, Thành Phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

2. Lù Đức S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15/7/1991, tại: huyện H, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: La Chí; Quốc tịch: Việt

nam; Tôn giáo: Không; con ông: Lù Văn V; Sinh năm 1960 (đã chết); con bà: Lù Thị S; Sinh năm 1961; Anh, chị, em ruột: Có 02 hai em, bị can là con út trong gia đình; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị tạm giữ từ ngày 06/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 05 giờ 15 phút ngày 06/7/2018, tổ công tác Đội phòng chống buôn lậu Phòng Cảnh sát kinh tế (PC46) phối hợp với Đội tuần tra kiểm soát Phòng Cảnh sát giao thông (PC67) Công an tỉnh Hà Giang tuần tra tại thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang tiến hành kiểm tra xe ô tô mang biển kiểm soát 23C-008.73, do Nguyễn Văn T, trú tại Thôn L, xã P, Thành Phố H, tỉnh Hà Giang điều khiển, di chuyển theo hướng từ huyện Q về Thành Phố H. Trên xe đi cùng T có Lù Đức S trú tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang. Tiến hành kiểm tra giấy tờ và phương tiện xe, phát hiện trên cabin của xe có chở 01 bao tải màu vàng bên trong có chứa 06 hộp màu vàng có nhiều chữ nước ngoài, kích thước 18cm x 18cm x 15cm, mẫu mã giống nhau nghi là pháo. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và yêu cầu hai đối tượng đưa xe ô tô cùng toàn bộ tang vật về Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh để làm việc, đồng thời niêm phong số hộp nghi là pháo.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T; Lù Đức S đều thừa nhận: T và S cùng làm thuê cho anh Trần Văn T, S năm 1984, ở huyện V. T làm lái xe còn S làm phụ xe. Khoảng 16 giờ ngày 05/7/2018, T và S lái xe chở máy Lu cho anh H Hội từ xã M, huyện Đ về xã M, huyện V. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến khu vực ngã ba xã Đ, huyện Q thì T nhìn thấy một bao tải màu vàng ở cạnh đường phía bên phải (theo hướng di chuyển của xe), lúc này S đang ngủ, T dừng xe gọi S dậy và bảo S “*xuống xem là cái gì*”. S từ cabin xe bước xuống đường, đến gần chiếc bao tải màu vàng, nhờ có ánh đèn của xe ô tô, mở bao ra xem thấy trong bao có nhiều hộp màu vàng, S xé một hộp ra kiểm tra thì thấy có lỗ, ổng, S đem bao tải đó lên cabin xe và nói với T “*chắc là pháo nhưng không rõ là loại pháo gì*”. T và S thống nhất cứ để bao tải vàng đó trên cabin xe ô tô mục đích mang về để đốt chơi. Đi đến khu vực cây xăng thuộc thị trấn T huyện Q, T và S mở bao tải ra kiểm tra một lần nữa và xác định đó là pháo nhưng không biết chính xác là pháo gì. Sau đó tiếp tục để bao tải đó trên

cabin xe và điều khiển xe về phía Thành Phố H, đến 05 giờ 15 phút ngày 06/7/2018 thì bị Công an bắt giữ và thu giữ tang vật gồm:

- 06 Hộp giấy đều có chữ COLORFUL, hình hoa văn màu vàng và chữ nước ngoài màu tím, có kích thước 18cm x 18cm x 15cm, trọng lượng 2,5kg/hộp. Tổng trọng lượng 06 hộp = 15kg (Mười lăm kilôgam).

- 01 Xe ô tô mang BKS 23C-008.73; Loại xe: Tải chở xe máy chuyên dụng; Màu sơn: Trắng trên xe có chở một chiếc máy Lu đã qua sử dụng.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008187, mang tên Công ty TNHH 1 TV Nhật Cường; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô mang biển kiểm soát 23C-008.73; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, mang tên Công ty TNHH Nhật Cường; 01 Chìa khóa xe ô tô; 01 Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 Chiếc điện thoại di động VIVO, đã qua sử dụng; 01 Chứng minh nhân dân ghi tên Lù Đức S; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S.

Ngày 06/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã mở niêm phong vật chứng, cân xác định trọng lượng số tang vật trên gồm 06 hộp x 2.5kg/hộp = 15kg (Mười lăm kilôgam).

Tại bản kết luận giám định số: 243/KL-PC54, ngày 10/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

- Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A1 là pháo hoa, loại pháo hoa này có chứa thuốc pháo, khi đốt hoặc kích thích có gây ra tiếng nổ và phát ra ánh sáng màu.

- Đối chiếu với các quy định tại Nghị định 36/2009/NĐ-CP ngày 15/04/2009 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng pháo thì bên trong mẫu ký hiệu A1 có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích (hoặc đốt) có gây tiếng nổ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu một số đồ vật, tài liệu xác định không liên quan đến vụ án, trong đó, trả cho anh Trần Văn T chủ xe gồm:

- 01 Xe ô tô mang BKS 23C-008.73; trên xe có chở một chiếc máy Lu đã qua sử dụng; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008187, mang tên Công ty TNHH 1 TV Nhật Cường; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 23C-008.73; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, mang tên Công ty TNHH Nhật Cường; 01 Chìa khóa xe ô tô.

Tại bản cáo trạng số 08/ CT-VKSQB ngày 11/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T; Lù Đức S về tội: "Vận chuyển hàng cấm" Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lù Đức S phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Lù Đức S từ 13 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 đến 30 tháng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 05 Hộp giấy đều có chữ COLORFUL, hình hoa văn màu vàng và chữ nước ngoài màu tím, có kích thước 18cm x 18cm x 15cm, trọng lượng 2,5kg/hộp. Tổng trọng lượng 05 hộp = 12,5kg (mười hai phẩy năm kilôgam).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 Chiếc điện thoại di động VIVO, đã qua sử dụng.

Trả cho Lù Đức S 01 Chứng minh nhân dân ghi tên Lù Đức S; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo đều là lao động tự do, không có công việc làm và thu nhập ổn định.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của các bị cáo nhận tội do bị cáo đã gây ra, xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật và mức án thấp nhất để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lù Đức S thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Xét, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ. Kết luận giám định và những tài liệu, các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an ninh ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây...thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a)

b).....

c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;”

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo có vai trò như nhau khi bị cáo T đang điều khiển xe ô tô đi trên đường thì phát hiện bao tải ở vệ đường nên đã gọi bị cáo S xuống kiểm tra và phát hiện bên trong có pháo nên đã đưa lên ca bin xe ô tô và hai người cùng thống nhất để trên ca bin ô tô trở về mục đích để đốt chơi, vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để nhằm giáo dục các bị cáo. Xét thấy các bị cáo xuất thân từ người dân lao động thuộc dân tộc thiểu số, S sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận cho các bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hành vi vận chuyển hàng cấm của các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có công việc ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 05 Hộp giấy đều có chữ COLORFUL, hình hoa văn màu vàng và chữ nước ngoài màu tím, có kích thước 18cm x 18cm x 15cm, trọng lượng 2,5kg/hộp. Tổng trọng lượng sau giám định còn = 12,5kg (Mười hai phẩy năm kilôgam).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 chiếc điện thoại di động VIVO, đã qua sử dụng.

Trả cho Lù Đức S 01 Chứng minh nhân dân ghi tên Lù Đức S; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S.

Về tang vật liên quan: Xe ô tô mang biển kiểm soát 23C-008.73 là sở hữu của anh Trần Văn T, S năm 1984, ở huyện V, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Văn T và Lù Đức S khi vận chuyển số pháo trên xe không cho anh T biết xe có chở pháo, do vậy không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm đối với anh T, xe ô tô và một số giấy tờ khác không liên quan đến việc các bị cáo phạm tội tại cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh đã trả lại cho anh Tuyên chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T; Lù Đức S phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lù Đức S 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P Thành Phố H, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Lù Đức S cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 125 của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, hủy bỏ ngay biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn T; Lù Đức S.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 05 Hộp giấy đều có chữ COLORFUL, hình hoa văn màu vàng và chữ nước ngoài màu tím, có kích thước 18cm x 18cm x 15cm, trọng lượng 2,5kg/hộp. Tổng trọng lượng 05 hộp = 12,5kg (Mười hai phẩy năm kilôgam).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 Chiếc điện thoại di động VIVO, đã qua sử dụng.

Trả cho Lù Đức S 01 Chứng minh nhân dân ghi tên Lù Đức S; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/9/2018, giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Q, tỉnh Hà Giang)

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T; Lù Đức S phải chịu mỗi người 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: căn cứ Điều 331; 333 của Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo Nguyễn Văn T; Lù Đức S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Q (2);
- Công an huyện Q (2);
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở Tư Pháp Hà Giang.
- UBND xã B, huyện H;
- UBND xã P, TP Hà Giang,
- Các bị cáo;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Thuận

